

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH BẢO  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/DS-ST  
Ngày 18-9-2023  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Đức Vịnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Tâm

Ông Nguyễn Văn Quyết

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 18-9-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2023/TLST-DS ngày 27-6-2023, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXX-ST ngày 28-8-2023, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Phạm Thị D; nơi cư trú: Thôn HĐ, xã TĐ, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

***- Bị đơn:*** Chị Trần Thị H; nơi cư trú: Thôn BH, xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi công tác: Trường tiểu học xã Hưng Nhân, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20-3-2023, tại bản tự khai, phiên hòa giải nguyên đơn là chị Phạm Thị D trình bày:

Chị có cho chị Trần Thị H vay tiền các lần cụ thể như sau: Ngày 15-11-2013 vay số tiền 120.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả tiền gốc là 01 năm; ngày 08-8-2014 vay số tiền 40.000.000 đồng, không thỏa lãi suất và không thỏa thuận thời hạn trả tiền gốc. Sau đó chị H đã trả được 20.000.000 đồng.

Tổng cộng của 02 lần vay sau khi đã trừ số tiền đã trả là 140.000.000 (Một trăm bốn mươi triệu) đồng. Mục đích vay làm ăn, lãi suất thỏa thuận miệng theo tháng là 1%/tháng. Thời hạn trả tiền vay là bên cho vay báo trước 01 tháng. Tuy nhiên, sau khi nhận được số tiền vay 140.000.000 đồng thì chị H không trả cho chị tiền gốc và lãi tính đến nay là 120 tháng. Nay, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo buộc chị H phải trả cho chị số tiền gốc là 140.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 30-5-2023 là 168.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 308.000.000 (Ba trăm linh tám triệu) đồng.

Bị đơn là chị Trần Thị H vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án nhưng tại bản tự khai ngày 18-6-2020, khai nhận: Năm 2013 chị có vay của chị D số tiền 120.000.000 đồng, năm 2014 chị vay của chị D số tiền 40.000.000 đồng sau đó chị đã trả được 20.000.000 đồng. Tổng cộng chị vay của chị D số tiền 140.000.000 đồng. Mục đích vay để làm ăn, lãi suất thỏa thuận là lãi ngày 2.000.000 đồng/01 triệu đồng/1 ngày. Chị đã trả lãi đều hàng tháng đến cuối năm 2014 do bị thất thoát kinh tế, làm ăn với bạn không trả, cho người khác vay tiền nhưng không lấy lại được nên chị không có khả năng trả tiền gốc cho chị D. Nay, chị D khởi kiện yêu cầu chị phải trả số tiền gốc và lãi là 308.000.000 đồng nhưng hiện tại chị rất khó khăn không có khả năng trả nợ. Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. .

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vi phạm này không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, các điều 471, 474, 476, 477, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị D: Buộc chị Trần Thị H phải trả cho chị D số tiền vay gốc là 140.000.000 đồng và số tiền lãi là:  $[(120.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%) \times 118 \text{ tháng}] + [(20.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%) \times 109 \text{ tháng}] = 122.550.000 \text{ đồng}$ . Tổng số tiền gốc và lãi chị H phải trả cho chị D là 262.550.000 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 6; khoản 1, 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.127.500 đồng, chị D phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 2.272.500 đồng. Chị D đã nộp 7.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí. Hoàn trả chị D số tiền tạm ứng án phí còn lại là 5.427.500 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Phạm Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Trần Thị H có nơi cư trú tại xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng phải trả nợ gốc, lãi theo Hợp đồng vay tiền ngày 05-11-2013 và ngày 08-8-2014. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về pháp luật áp dụng: Do thời điểm vay tài sản được thực hiện vào năm 2013, 2014 và các bên có tranh chấp về mức lãi suất, mức lãi suất hai bên đưa ra đều khác với mức lãi suất quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, căn cứ Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[5] Về thời hiệu: Thời điểm vay tài sản giữa chị Phạm Thị D và chị Trần Thị H được thực hiện vào năm 2013, 2014. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 18-6-2020, chị Trần Thị H thừa nhận có vay của chị Phạm Thị D số tiền 02 lần vay là 140.000.000 đồng. Do đó, căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Dân sự thời hiệu được tính từ ngày 18-6-2023.

- Về nội dung vụ án:

[6] Căn cứ vào lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Trong 02 ngày 05-11-2013 và ngày 08-8-2014, giữa chị Phạm Thị D và chị Trần Thị H có thỏa thuận việc vay nợ với tổng số tiền 02 lần vay là 160.000.000 đồng (Chị H đã trả được 20.000.000 đồng còn lại 140.000.000 đồng), mục đích vay là làm ăn, lãi suất vay các bên thỏa thuận miệng, không ghi vào giấy vay nợ, thời hạn trả nợ theo thỏa thuận đã thể hiện ý chí tự nguyện, nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 471 và Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, hợp đồng vay tài sản (vay tiền) giữa chị Phạm Thị D và chị Trần Thị H là có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[7] Thực hiện hợp đồng vay tài sản nêu trên chị Phạm Thị D đã cho bên vay là chị Trần Thị H vay số tiền là 140.000.000 (Một trăm bốn mươi triệu) đồng theo giấy vay nợ ngày 05-11-2013 và ngày 08-8-2014 và đã được các bên xác nhận là đúng. Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được chị D đôn đốc nhiều lần nhưng chị H vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình như đã cam kết. Do đó, chị D yêu cầu Tòa án buộc chị H phải

trả tổng số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng (Năm trăm bảy một triệu) đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[8] Về lãi suất: Qua trình giải quyết vụ án chị D yêu cầu Tòa án buộc chị H phải trả số tiền lãi với mức lãi suất là 1%/tháng. Tuy nhiên, theo Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định:

*“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng.*

*2. Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.”*

Ngày 29-11-2010, Ngân hàng nhà nước ban hành Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN đề chiểu chỉnh mức lãi suất cơ bản lên 9%/năm. Đây là mức lãi suất cơ bản được Ngân hàng Nhà nước công bố và áp dụng đến nay. Do đó, lãi suất được tính như sau:

Đối với khoản tiền 120.000.000 đồng chị H vay chị D từ ngày 15-11-2013 tính đến ngày xét xử là 118 tháng chị H không trả cho chị D tiền gốc và lãi; đối với khoản tiền 20.000.000 đồng chị H vay chị D từ ngày 08-8-2014 tính đến ngày xét xử là 109 tháng chị H không trả cho chị D tiền gốc và lãi. Do đó, số tiền lãi được tính là:  $[(120.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%) \times 118 \text{ tháng}] + [(20.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%) \times 109 \text{ tháng}] = 122.550.000 \text{ đồng}$ .

[9] Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 18-9-2023, chị Trần Thị H còn nợ và phải trả cho chị Phạm Thị D tổng số tiền của Hợp đồng vay tài sản ngày 05-11-2013 và ngày 08-8-2014 là 262.550.000 đồng. **Trong đó: Nợ gốc là 140.000 đồng; nợ lãi là 122.550 đồng.**

[10] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị D được chấp nhận một phần nên chị D phải chịu án phí phần không được chấp nhận, chị H chịu án phí phần được chấp nhận theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp còn lại.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228; 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 471; 474; 476; 477; 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; khoản 1, 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị D.

2. Buộc chị Trần Thị H phải trả cho chị Phạm Thị D tổng số tiền của Hợp đồng vay tài sản ngày 05-11-2013 và ngày 08-8-2014 là 262.550.000 (Hai trăm sáu mươi hai triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng. **Trong đó: Nợ gốc là 140.000 đồng; nợ lãi là 122.550 đồng.**

Kể từ ngày chị Phạm Thị D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, chị Trần Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

- Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.127.500 đồng (Mười ba triệu một trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng);

- Chị D phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 2.272.500 đồng (Hai triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng). Chị D đã nộp 7.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0006653 ngày 27-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo. Hoàn trả chị D số tiền tạm ứng án phí còn lại là 5.427.500 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Đức Vịnh**